

Số : 58 /2006/QĐ-UBND TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH
Về giao chỉ tiêu kế hoạch huy động
nghĩa vụ lao động công ích năm 2006

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 ;

Căn cứ Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích số 15/1999/PL-UBTVQH ngày 03 tháng 9 năm 1999 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Lệnh số 07/L/CTN ngày 16 tháng 9 năm 1999 của Chủ tịch nước về công bố Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích ;

Căn cứ Nghị định số 81/2000/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích ;

Căn cứ Công văn số 109/HĐND-VP ngày 13 tháng 4 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố về huy động lao động công ích năm 2006 ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 82/TT-SLĐTBXH-LĐ ngày 04 tháng 01 năm 2006.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Nay giao chỉ tiêu kế hoạch huy động và phân phối sử dụng Quỹ ngày công nghĩa vụ lao động công ích năm 2006 theo biểu đính kèm.

Điều 2.

Số ngày công nghĩa vụ lao động công ích hàng năm của mỗi người dân kể cả người tạm trú liên tục từ 06 tháng trở lên là 10 ngày.

Trường hợp nếu không trực tiếp đi lao động thì phải có người đi làm thay hoặc đóng tiền thay công.

Mức đóng tiền thay công trực tiếp năm 2006 cho người có nghĩa vụ tham gia lao động công ích cư trú tại thành phố được thực hiện như sau :

a. Khu vực nội thành : 7.000đồng/ngày công.

b. Khu vực ngoại thành và các quận 2, 4, 7, 8, 9, 12, Thủ Đức và Bình Tân : 5.000đồng/ngày công.

Điều 3. Các trường hợp được miễn, tạm miễn thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hàng năm thực hiện theo quy định tại điều 4, điều 5 Nghị định số 81/2000/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích.

Việc tạm miễn huy động nghĩa vụ lao động công ích năm 2006 đối với những người trong hộ xóa đói giảm nghèo được phường-xã, thị trấn xác nhận và đang trong chương trình xóa đói giảm nghèo của thành phố được thực hiện như năm 2005.

Điều 4. Quỹ ngày công nghĩa vụ lao động công ích năm 2006 được phân phối sử dụng theo Điều 7 Nghị định số 81/2000/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ cụ thể như sau :

Phần sử dụng tối đa không quá 10% quỹ ngày công nghĩa vụ lao động công ích dành cho cấp thành phố được để lại cho phường-xã sử dụng vào công trình công ích do phường-xã quản lý.

Quận-huyện sử dụng tối đa 20% quỹ ngày công lao động công ích để hỗ trợ việc xây dựng, tu bổ các công trình công ích của quận-huyện hoặc công trình công ích của phường-xã, thị trấn có nhiều khó khăn. Mức cụ thể do Hội đồng nhân dân quận-huyện quyết định.

Pường-xã, thị trấn được sử dụng quỹ ngày công lao động công ích còn lại sau khi trừ phần quỹ dành cho quận-huyện.

Điều 5. Kinh phí phục vụ cho việc tổ chức huy động và quản lý việc sử dụng quỹ ngày công lao động công ích tại địa phương bao gồm chi phí quản lý, tuyên truyền, bồi dưỡng nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết, khen thưởng và các chi phí có liên quan trực tiếp khác do ngân sách địa phương cấp theo quy định hiện hành.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện, phường-xã, thị trấn xây dựng kế hoạch sử dụng quỹ ngày công nghĩa vụ lao động công ích thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Điều 7. Người có thành tích trong việc thực hiện nghĩa vụ lao động công ích được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Người có hành vi chống đối, cản trở việc huy động, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ lao động công ích thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của các sở-ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân quận-huyện :

1. Sở Tài chính :

In, phát hành biên nhận thu tiền thay công nghĩa vụ lao động công ích cho phường-xã, thị trấn.

Duyệt cấp kinh phí quản lý theo đề nghị của quận-huyện và hướng dẫn thực hiện.

Quyết toán tài chính việc sử dụng quỹ ngày công bằng tiền trên địa bàn thành phố hàng năm.

2. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo kết quả huy động và sử dụng quỹ ngày công nghĩa vụ lao động công ích hàng năm cho Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện chịu trách nhiệm thẩm định và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch huy động nghĩa vụ lao động công ích của phường-xã, thị trấn trên địa bàn, báo cáo kết quả công tác huy động và sử dụng quỹ ngày công lao động công ích cho Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 9. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 10. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở-ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường-xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 10;
- Thường trực Thành ủy;
- TT.HĐND TP và các Ban HĐND TP;
- Ủy ban nhân dân thành phố;
- UBMTTQ và các đoàn thể thành phố;
- VPHĐ-UB : Các PVP, Các Tổ NCTH;
- Lưu (VX-LC) L.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Tài

**KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VÀ PHÂN PHỐI SỬ DỤNG
QUỸ NGÀY CÔNG NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CÔNG ÍCH NĂM 2006**

(Kèm theo Quyết định số /2006/QĐ-UBND
ngày tháng 4 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)

ĐVT : Ngày công

Số TT	Toàn thành phố	Chỉ tiêu huy động Năm 2006	Phân phối sử dụng	
			Quận, huyện 20%	Phường, Xã, Thị trấn 80%
	<u>Toàn thành phố</u>	3,846,000	769,200	3,076,800
	Nội thành	3,327,000	665,400	2,661,600
1	Quận 1	140,000	28,000	112,000
2	Quận 2	60,000	12,000	48,000
3	Quận 3	170,000	34,000	136,000
4	Quận 4	110,000	22,000	88,000
5	Quận 5	190,000	38,000	152,000
6	Quận 6	170,000	34,000	136,000
7	Quận 7	90,000	18,000	72,000
8	Quận 8	220,000	44,000	176,000
9	Quận 9	135,000	27,000	108,000
10	Quận 10	237,000	47,400	189,600
11	Quận 11	210,000	42,000	168,000
12	Quận 12	140,000	28,000	112,000
13	Quận Bình Thạnh	200,000	40,000	160,000
14	Quận Phú Nhuận	185,000	37,000	148,000
15	Quận Tân Bình	300,000	60,000	240,000
16	Quận Tân Phú	190,000	38,000	152,000
17	Quận Gò Vấp	180,000	36,000	144,000
18	Quận Thủ Đức	260,000	52,000	208,000
19	Quận Bình Tân	140,000	28,000	112,000
	Ngoại thành	519,000	103,800	415,200

20	Huyện Hóc Môn	125,000	25,000	100,000
21	Huyện Củ Chi	180,000	36,000	144,000
22	Huyện Nhà Bè	57,000	11,400	45,600
23	Huyện Bình Chánh	107,000	21,400	85,600
24	Huyện Cần Giờ	50,000	10,000	40,000

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH
PHỐ**